TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố C, ngày 01 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim Y, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số nhà 063, đường T, phường T, thành phố C, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Đàm Quang T, sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT: Khu 2, xã H, huyện Đ, tỉnh P; Nay là Khu H, xã H, huyện Đ, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toá án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Kim Y và anh Đàm Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Kim Y và anh Đàm Quang T đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con:** Chị Trần Thị Kim Y và anh Đàm Quang T có 01 con chung tên là Đàm Khải A, sinh ngày 17/10/2013. Chị Y và anh T thỏa thuận như sau:

+ Chị Trần Thị Kim Y là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đàm Khải A, sinh ngày 17/10/2013 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đàm Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/9/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đàm Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Y có đơn yêu cầu thi hành án, anh T chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Chia tài sản: Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Trần Thị Kim Y và anh Đàm Quang T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Trần Thị Kim Y và anh Đàm Quang T mỗi người phải chịu 75.000 *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải chịu 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Y tự nguyện nộp thay anh T tiền án phí dân sự sơ thẩm 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, anh T nhất trí. Tổng cộng chị Trần Thị Kim Y phải nộp là 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị Y đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0000487 ngày 29/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố C, tỉnh Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự thành phố C, tỉnh Lai Châu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga